

THÔNG BÁO MỜI QUAN TÂM BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý công ty

Bệnh viện Đa khoa Tân Bình xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác với Quý Công ty.

Bệnh viện Đa khoa Tân Bình đang có nhu cầu Mua sắm trang thiết bị văn phòng năm 2025 nhằm phục vụ công tác chuyên môn.

Kính mời Quý công ty có năng lực kinh nghiệm cung ứng hàng hoá theo yêu cầu, quan tâm cung cấp báo giá làm cơ sở cho công tác xây dựng giá cho gói thầu: Mua sắm trang thiết bị văn phòng năm 2025.

1. Danh mục mời báo giá:

- Theo mẫu Phụ lục đính kèm Thông báo.

2. Hồ sơ báo giá:

- Đầy đủ các cột mục theo Phụ lục báo giá đính kèm Thông báo.
- Giá trong báo giá là giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan.
- Hiệu lực báo giá: tối thiểu 06 tháng kể từ ngày hết hạn nhận báo giá.
- Bản chính Bảng báo giá phải có chữ ký, đóng dấu của người đại diện hợp pháp.

3. Thời gian nộp báo giá, hình thức gửi báo giá và nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá:

3.1. Thời hạn nộp báo giá:

- Từ ngày đăng thông báo đến hết ngày 13/10/2025.

3.2. Hình thức gửi báo giá:

- Bản giấy Hồ sơ báo giá gửi về nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá theo Thông báo.
- Gửi file và bản scan báo giá có đóng dấu qua email.

3.3. Nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá:

- Phòng Tổ chức-Hành chính quản trị - Bệnh viện Đa khoa Tân Bình, số 605 Hoàng Văn Thụ, phường Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại liên hệ: 38.119551; Di động: 0902.492.071 (CV. Huỳnh Thị Thanh Nga).

- Email: huynhthanhnga83@gmail.com

Trân trọng!.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website BV;
- TMS;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Bs. CKII. Võ Văn Hùng

Tên công ty:
Địa chỉ:
MST:
Số điện thoại liên hệ:

DANH MỤC HÀNG HOÁ BẢO GIÁ

Gửi thầu: Mua sắm trang thiết bị văn phòng năm 2025 - Bệnh viện Đa khoa Tân Bình

DANH MỤC BỆNH VIỆN YẾU CẦU						DANH MỤC BẢO GIÁ CỦA CÔNG TY														
TT	Danh mục hàng hoá	Mô tả hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Bao bì	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Bao bì		
A	B	C	D	E	F	1 (*)	2 (*)	3	4 (*)	5 (*)	6 (*)	7 (*)	8	9 (*)	10 (*)	11 (*)	12(*)	13(*)		
Là 1: Nội thất văn phòng						CÔNG THÀNH TIẾN LỘ 1													0	
1	Bàn làm việc (bàn vi tính)	Bàn làm việc (vi tính) NTM120S The One hoặc tương đương - Bàn mặt tính học liên, mặt bàn bằng chất liệu Laminatê, bàn có kê CPU - Kích thước: Rộng 1200mm x Sâu 600mm x Cao 750mm - Màu sắc: Trắng ghi	Cái	12	≥ 12 thùng															
2	Ghế xoay lưới	Ghế xoay lưới chuyên viên GLJ10L The One hoặc tương đương - Ghế lưới chuyên viên khung nhựa, đệm ghế bọc vải lưới, chân nhựa - Kích thước: (Rộng 580mm x Sâu 600mm) (± 20mm) Cao từ 890mm đến 985mm. - Có pen điều chỉnh độ cao. - Màu sắc: Đen	Cái	12	≥ 12 thùng															
3	Ghế xoay nệm Simili có tựa lưng	Ghế xoay nệm Simili, có tựa lưng Chất liệu: khung thép mạ, nệm ghế nệm mút bọc Simili, có pen điều chỉnh độ cao, có thiết kế dễ bắc dễ chân Chân ghế: chân trụ tròn ống Ø 60mm, đường kính chân đế 400mm Kích thước mặt ghế: rộng 420mm x sâu 450 mm (± 20mm) Kích thước tựa lưng: cao 325 mm x rộng 440 mm (± 20mm) Chiều cao ghế (tính luôn tựa lưng): 840 mm (± 20mm), chiều cao tối đa khi nâng 1040 mm Chiều cao ghế (tính đến mặt ghế): 620 mm (± 20mm), chiều cao tối đa khi nâng 820 mm	Cái	1	≥ 12 thùng															
4	Ghế xoay nệm Simili không có tựa lưng	Ghế xoay nệm Simili không có tựa lưng Chất liệu: khung thép mạ, đệm tròn bọc simili định hình, chân có định không bành xe, có pen điều chỉnh độ cao Kích thước: + Đường kính chân ghế 360 mm (± 20mm) + Đường kính mặt ghế 340mm (± 20mm) + Chiều cao ghế 450 mm (± 20mm) Độ cao khi điều chỉnh có thể cao thêm từ (10-15) cm Màu sắc nệm Simili: xanh dương/đen/nâu	Cái	3	≥ 12 thùng															
5	Ghế xếp khung inox	Ghế xếp khung inox có nệm tựa lưng, nệm ngồi GI1-The One hoặc tương đương - Kích thước: (Rộng 455mm x Sâu 520mm x Cao 795 mm) (± 15mm) - Chất liệu: Khung inox, nệm ngồi và nệm tựa lưng bằng chất liệu PVC cao cấp - Gập lại được khi không sử dụng - Màu sắc: Xanh dương	Cái	4	≥ 12 thùng															

TT	Danh mục hàng hoá	Mô tả hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Bảo hành	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Bảo hành
A	B	C	D	E	F	1 (*)	2 (*)	3	4 (*)	5 (*)	6 (*)	7 (*)	8	9 (*)	10 (*)	11 (*)	12 (*)	13 (*)
6	Tủ đựng hồ sơ locker 4 ngăn	Tủ đựng hồ sơ locker 4 ngăn TU4F hoặc tương đương Kích thước: rộng 470mm x sâu 620mm x cao 1280 mm Màu sắc: Màu ghi sáng Kiểu dáng: Thiết kế gồm 4 ngăn kéo, chuyển động bằng cơ cấu ray bi.	Cái	9	≥ 12 tháng													
7	Tủ hồ sơ 02 khoang 02 cánh	Tủ hồ sơ TU09K2- The One hoặc tương đương - Tủ sắt sơn tĩnh điện gồm 2 khoang. - 02 cánh mở, mỗi khoang có 3 đợt di động chia thành 04 ngăn - Kích thước: Rộng 1000mm x Sâu 450mm x Cao 1830 mm - Màu sắc: Ghi sáng	Cái	3	≥ 12 tháng													
8	Tủ Inox Y tế	Tủ Inox Y tế JY1021430 hoặc tương đương Kích thước: Rộng 800mm x Sâu 400 mm x Cao 1600mm Màu sắc: Ghi sáng Chất liệu: Khung inox Kiểu dáng: Được thiết kế chuyên dụng cho để thuốc và các dụng cụ y tế: - Tủ y tế khung inox chia làm 2 khoang, khoang trên cánh kính có 2 đợt kính cố định, khoang dưới chia 2 ngăn nhỏ và có khóa - Khung sử dụng ống inox 201 kết hợp tôn inox 430, độ dày ≥ 0.4mm	Cái	3	≥ 12 tháng													
9	Tủ hồ sơ 02 khoang	Tủ hồ sơ TU09K3- Hòa Phát hoặc tương đương - Tủ sắt sơn tĩnh điện gồm 2 khoang: + Khoang trên có 2 đợt di động, 2 cánh kính mở. + Khoang dưới có 2 cánh sắt mở Kích thước: Rộng 1000 mm x Sâu 450 mm x Cao 1830 mm - Màu sắc: Ghi sáng	Cái	1	≥ 12 tháng													
10	Tủ hồ sơ 03 khoang 05 cánh	Tủ sắt sơn tĩnh điện gồm 3 khoang: + 1 khoang: 2 cánh kính, có 2 đợt di động. + 1 khoang: gồm 2 cánh sắt mở, + 1 khoang: cánh sắt dài bên trong có 1 suốt treo đồ, 02 đợt di động. Kích thước: rộng 1350 mm x sâu 450mm x cao 1830 mm Màu sắc: ghi sáng	Cái	2	≥ 12 tháng													
Lô 2: Thiết bị tin học, điện tử																		
1	Máy in trắng đen	Máy in trắng đen HP Laser M403DN hoặc tương đương - Loại máy: In laser trắng đen - Chức năng: in 1 mặt, in 2 mặt tự động - Màn hình hiển thị LCD 2 dòng. - Công suất in: (750-4000) trang/tháng - Loại mực in: 151A - Trọng lượng: (8 - 9) kg - Tốc độ in 1 mặt: ≥ 40 trang/ phút khổ A4 và ≥ 40 trang/ phút khổ Letter - Khó giấy tối đa: A4/Letter. - Độ phân giải: ≥ (1200 x 1200) dpi - Có Kết nối: USB, LAN	Cái	18	≥ 12 tháng													

CỘNG THÀNH TIỀN LÔ 2:

0

TT	Danh mục hàng hoá	Mô tả hàng hoá	DVT	Số lượng	Bảo hành	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hạng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Bảo hành
A	B	C	D	E	F	1 (*)	2 (*)	3	4 (*)	5 (*)	6 (*)	7 (*)	8	9 (*)	10 (*)	11 (*)	12 (*)	13 (*)
2	Máy in nhiệt	Máy in nhiệt Xprinter K300L hoặc tương đương. - Công nghệ in: in nhiệt trực tiếp, không cần dùng mực - Kích giấy: 80mm - Tốc độ in tối đa lên đến: 300mm/s - Kết nối: USB, LAN - Độ phân giải: ≥ 576 điểm/dòng - Kích thước: (Dài 189,15 x Rộng 145,35 x Cao 139,7) mm (± 20mm)	Cái	4	≥ 12 tháng													
3	PC lắp ráp	PC lắp ráp, gồm: Mainboard: ASUS - H410M D (thế tự công suất hình: HDMI và VGA) hoặc tương đương; CPU: Intel® Core™ i3 Ultra 7-265K (20 nhân 20 luồng - Turbo Boost to 5.5 GHz - 30MB - 1851) hoặc tương đương; DDR4M: G.Skill - 16GB/2666 hoặc tương đương; Ổ cứng SSD (SATA/M.2): Lexar - 512GB - NM100 (M2) hoặc tương đương; Keyboard: Logitech - K120 hoặc tương đương; Mouse: Logitech - B100 hoặc tương đương; Nguồn: ACBel G600W - 1 Power hoặc tương đương; Case: Cooler Master BOX Q300L hoặc tương đương.	Cái	27	≥ 36 tháng													
4	Màn hình máy vi tính	Màn hình máy vi tính LCD DELL - SE2425HM hoặc tương đương - Kích thước màn hình: (23.8 - 25) inch - Độ phân giải: FHD ≥ (1920 x 1080) - Độ sáng: ≥ 250cd/m2 (typical) - Cổng kết nối: hỗ trợ Display port, HDMI, VGA	Cái	32	≥ 36 tháng													
5	Máy quét mã vạch	Máy quét mã vạch datalogic Qi code (DS9308) hoặc tương đương. - Hỗ trợ quét cả mã 1D và 2D - Độ phân giải cảm biến: ≥ (1280 x 800) pixels - Độ tương phản tối thiểu (PCS): 15% - Khả năng giải mã: Mã 1D/2D - Kết nối: USB	Cái	8	≥ 12 tháng													
6	Máy Scan	Máy Scan 02 mã HP Pro 3000 S4 hoặc tương đương - Độ phân giải quét tối đa: (600 x 600) dpi. - Tốc độ quét: Lên đến 40 trang/phút (tối đa 80 hình ảnh/phút) - Khay nạp tài liệu tự động (ADF): 50 trang. - Kết nối: USB 3.0 - Tính năng: giải scan tới máy tính, scan vào ổ đĩa USB - Các tính năng khác: Quét 2 mặt tự động, quét văn bản OCR, quét thành file PDF tìm kiếm được. - Chu kỳ quét: ≥ 4000 trang mỗi ngày. - Kích thước chụp quét (ADF): tối đa (216 x 3100) mm/Tối thiểu (50,8 x 50,8) mm - Kích thước (Rộng x Sâu x Cao) tối thiểu: (300 x 172 x 154) mm - Kích thước (Rộng x Sâu x Cao) tối đa: (300 x 410 x 310) mm - Trọng lượng: (2,7-3,0) Kg	Cái	1	≥ 12 tháng													

TT	Danh mục hàng hoá	Mô tả hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Bảo hành	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Bảo hành
A	B	C	D	E	F	1 (*)	2 (*)	3	4 (*)	5 (*)	6 (*)	7 (*)	8	9 (*)	10 (*)	11 (*)	12 (*)	13 (*)
7	Máy hủy giấy	Máy hủy giấy Magitech DM-300C hoặc tương đương - Khe nạp giấy: 240mm - Kiểu hủy: Hủy Vụn - Kích thước hủy: ≤ (4 x 25)mm - Số tờ hủy/lần: 20 tờ - 22 tờ - Tốc độ hủy: ≥ 2.8m/phút - Hủy liên tục: ≥ 15 phút - Hủy: CD / Kim Băm / Thẻ Từ - Dung tích thùng chứa: ≥ 38 lít - Có bánh xe di chuyển dễ dàng - Kích thước máy: (rộng 350mm x sâu 404mm x cao 667mm) (± 20mm) - Trọng lượng máy: (19.7 - 20) kg	Cái	1	F ≥ 12 tháng													
8	Máy bấm số thứ tự	Máy bấm số thứ tự ZYWELL ZY307Q hoặc tương đương Kích thước: (rộng 146mm x sâu 191mm x cao 129mm) (± 10mm) Công nghệ in: in nhiệt trực tiếp Tốc độ in: ≥ 260mm/s Độ phân giải: ≥ 203dpi Khổ giấy: 80mm Cổng kết nối: Lan(ethernet), USB, RJ11 (cổng kết nối kết), RS232 Bộ nhớ: NV Flash 256k bytes Nguồn điện sử dụng: Nguồn vào: AC 100V-240V 50/60HZ, Nguồn ra: DC 24V/2.5A Độ bền dao cắt: ≥ 2 triệu lần cắt Trọng lượng: (1.5-1.6)Kg	Cái	2	≥ 12 tháng													
9	Máy chấm công vân tay	Máy chấm công vân tay Ronald Jack S800ID hoặc tương đương - Phương thức xác thực: Vân tay, thẻ, password - Dung lượng quản lý: ≥ 5.000 vân tay, ≥ 10.000 thẻ. - Bộ nhớ: ≥ 200.000 lần chấm công. - Kết nối với máy tính qua TCP/IP, USB. - Thời gian chấm công: ≤ 1 giây. - Lấy dữ liệu từ xa ADMS. - Màn hình màu TFT (3 - 3.5) inches. - Mật độ chống trầy xước, chống vân tay giả. - Máy sử dụng thẻ cảm ứng 125KHz. - Ngôn ngữ: Anh-Việt, ngôn ngữ khác. - Nguồn điện: 12V-1.5A. - Adapter dài khoảng 1 mét. - Pin lưu điện kèm theo máy 3.7V, 4000mAh. - Kích thước: (ngang 200mm x dọc 153mm x sâu 44 mm) (± 5mm)	Cái	5	≥ 12 tháng													
10	Ôn áp	Ôn áp LIOA DRUI-1000 1KVA hoặc tương đương Điện áp đầu vào: 90V-250V Điện áp đầu ra: 220V/110V (± 1,5%) Công suất: 1KVA - 0.8KW Kích thước: (ngang 183mm x dọc 237mm x cao 200 mm) (± 10mm) Trọng lượng: (7.0-7.8) kg Tần số: 49Hz/62Hz Lỗi đồng cơ: Lỗi đồng Thiết kế có tay nắm Màu sắc: Ghi trắng/đen...	Cái	4	≥ 12 tháng													

CỘNG THÀNH TIỀN LỖ 3:

Lỗ 3: Thiết bị điện lạnh

0



TT	Danh mục hàng hoá	Mô tả hàng hoá	DVT	Số lượng	Bảo hành	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (DVT: đồng)	Thành tiền (DVT: đồng)	Bảo hành
A	B	C	D	E	F	1 (*)	2 (*)	3	4 (*)	5 (*)	6 (*)	7 (*)	8	9 (*)	10 (*)	11 (*)	12 (*)	13 (*)
1	Máy lạnh Inverter 1,5 HP	Máy lạnh Daikin Inverter 1,5 HP FTKZ35VVMV/RKZ35VVMV hoặc tương đương - Loại máy: Inverter - Công suất làm lạnh: 1,5 HP - 11.900 BTU - Phạm vi làm lạnh hiệu quả: Từ 15m² - 20m² (từ 40m³ đến 60m³) - Độ ồn trung bình: Dàn lạnh: 19/39 dB (thấp/cao), Dàn nóng: 43/47 dB (thấp/cao) - Chất liệu dàn tản nhiệt Hợp kim nhôm vì dẫn Microchannel chống ăn mòn - Loại Gas R-32	Cái	7	≥ 12 tháng													
2	Máy lạnh Inverter 2,0 HP	Máy lạnh Daikin Inverter 2,0 HP FTKZ50VVMV/RKZ50VVMV hoặc tương đương - Loại máy: Inverter - Công suất làm lạnh 2 HP - 17.700 BTU - Phạm vi làm lạnh hiệu quả từ 20m² - 30m² (từ 60m³ đến 80m³) - Độ ồn trung bình: Dàn lạnh: - 25/44 dB (thấp/cao), Dàn nóng: 43/47 dB (thấp/cao) - Chất liệu dàn tản nhiệt Hợp kim nhôm vì dẫn Microchannel chống ăn mòn - Loại Gas R-32	Cái	17	≥ 12 tháng													
3	Tủ lạnh 130 lít	Aqua AQR - T130 FA(BS) hoặc tương đương - Kiểu tủ: Ngăn đá trên - 2 cánh - Dung tích sử dụng: 130 lít (± 5 lít) - Dung tích ngăn đá: 36 lít (± 2 lít) - Dung tích ngăn lạnh: 94 lít (± 5 lít) - Công nghệ kháng khuẩn, khử mùi Nano Fresh Ag+ - Chất liệu cửa tủ lạnh: Thép không gỉ - Chất liệu khay ngăn: Kính chịu lực - Kích thước: (tổng 480 mm x sâu 585mm) (± 20 mm) x cao (1190-1240) mm - Màu sắc: Đen	Cái	1	≥ 12 tháng													
4	Máy giặt	Máy giặt Samsung Inverter WF24B9600KV/SV hoặc tương đương Loại cửa Cửa ngang Khối lượng giặt: tối đa 24 kg Chế độ giặt: Nhiều chế độ Đồng cơ dẫn động: Truyền động trực tiếp Công nghệ Digital Inverter Màn hình hiển thị: Led Tốc độ quay vắt: ≥ 1100 vòng/phút Có Chế độ giặt nhanh Có chức năng Kháng khuẩn - Khử mùi Có chức năng Vệ sinh lồng giặt Chất liệu lồng giặt: Thép không gỉ Khóa an toàn: Có Cài đặt hẹn giờ: Có Khối lượng sản phẩm (kg): 110 kg (± 5kg) Kích thước sản phẩm: (tròng 686mm x sâu 800mm x cao 984 mm) (± 20mm)	Cái	1	≥ 12 tháng													
Lô 4: Hệ thống chương bao																		
1	Hệ thống chương bao khoa	Hệ thống chương bao khoa Gây mê hồi sức, bao gồm: bao khoa	Bộ	1	≥ 12 tháng													
CÔNG THÀNH TIỀN LÔ 4:																		

TT	Danh mục hàng hoá	Mô tả hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Bảo hành	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Bảo hành		
A	B	C	D	E	F	1 (*)	2 (*)	3	4 (*)	5 (*)	6 (*)	7 (*)	8	9 (*)	10 (*)	11 (*)	12 (*)	13 (*)		
	Gây mê hồi sức	1. Nút nhấn gọi: Số lượng 08 Nút nhấn gọi Syscall ST-100 W hoặc tương đương Nút bấm 1 chức năng (Goi) Kích thước: (rộng 54,5mm x dài 54,5mm x cao 19mm) (± 5mm) Trọng lượng: 35g (± 5g) Màu sắc: đen cam/trắng cam... Tần số hoạt động: ≥ 433,42MHz Pin đồng xu DC 3V (CR2025) – 40 000 lần bấm Có khả năng tương thích với bộ thu và bộ lặp cùng loại 2. Bảng chỉ báo: Số lượng 01 Bảng chỉ báo SyscallSR-AA10 hoặc tương đương Màn hiển thị ≥10 số, ≥ 1 cuộc gọi Đăng ký lên tới 450 nút bấm Kích thước: (rộng 280mm x dài 145mm x cao 40mm) (± 5mm) Trọng lượng: (600-700)g Màu sắc: đen trắng Tần số hoạt động: ≥ 433,42MHz Nguồn: DC12V/ 1A Có khả năng tương thích với bộ thu và bộ lặp cùng loại 3. Bảng Mica hướng dẫn: Số lượng 08 - Dùng để bắt nút nhấn gọi vào và bắt lên tường hoặc giường bệnh - Thuận tiện cho việc lắp đặt và thay thế pin - Logo và nội dung in thiết kế theo yêu cầu của bệnh viện Kích thước: (rộng 105mm x dài 125mm) (± 5mm)	Bộ	1	≥ 12 tháng															
2	Hệ thống chuông báo khoa Ngoại Tổng hợp	1. Nút nhấn gọi: Số lượng 12 Nút nhấn gọi Syscall ST-100 W hoặc tương đương Nút bấm 1 chức năng (Goi) Kích thước: (rộng 54,5mm x dài 54,5mm x cao 19mm) (± 5mm) Trọng lượng: 35g (± 5g) Màu sắc: đen cam/trắng cam... Tần số hoạt động: ≥ 433,42MHz Pin đồng xu DC 3V (CR2025) – 40 000 lần bấm Có khả năng tương thích với bộ thu và bộ lặp cùng loại 2. Bảng chỉ báo: Số lượng 01 Bảng chỉ báo SyscallSR-AA10 hoặc tương đương Màn hiển thị ≥10 số, ≥ 1 cuộc gọi Đăng ký lên tới 450 nút bấm Kích thước: (rộng 280mm x dài 145mm x cao 40mm) (± 5mm) Trọng lượng: (600-700)g Màu sắc: đen trắng Tần số hoạt động: ≥ 433,42MHz Nguồn: DC12V/ 1A Có khả năng tương thích với bộ thu và bộ lặp cùng loại 3. Bảng Mica hướng dẫn: Số lượng 12 - Dùng để bắt nút nhấn gọi vào và bắt lên tường hoặc giường bệnh - Thuận tiện cho việc lắp đặt và thay thế pin - Logo và nội dung in thiết kế theo yêu cầu của bệnh viện Kích thước: (rộng 105mm x dài 125mm) (± 5mm)	Bộ	1	≥ 12 tháng															
Lô 5: Thiết bị Máy chủ																				
CÔNG THÀNH TIẾN LÔ 5:																				



TT	Danh mục hàng hoá		Mô tả hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Bảo hành	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Bảo hành
A	B	C	D	E	F		1 (*)	2 (*)	3	4 (*)	5 (*)	6 (*)	7 (*)	8	9 (*)	10 (*)	11 (*)	12 (*)	13 (*)
1	Thiết bị Máy chủ		Máy chủ DELL PowerEdge R760 Server hoặc tương đương	Bộ	1	≥ 36 tháng													
Trusted Platform Module 2.0 V6																			
2+ Chassis with up to 16 SAS/SATA Drives, Smart Flow, Front PERC 11, 2 CPU																			
Intel® Xeon® Gold 5420+ 2G, 28C/56T, 16GT/s, 52.5M Cache, Turbo, HT (205W) DDR5-4400																			
Intel® Xeon® Gold 5420+ 2G, 28C/56T, 16GT/s, 52.5M Cache, Turbo, HT (205W) DDR5-4400																			
No HBM																			
Heatsink for 2 CPU configuration (CPU greater than 165W)																			
Performance Optimized																			
5600MT/s RDIMMs																			
64GB RDIMM, 5600MT/s, Dual Rank																			
C7, Unconfigured RAID for HDDs or SSDs (Mixed Drive Types Allowed)																			
PERC H755 with rear load Brackets																			
1 92TB SSD SATA Read Intensive 60Gbps 512e 2.5in Hot-plug AG Drive, 1 DWPD																			
Performance BIOS Setting																			
No Energy Star																			
UEFI BIOS Boot Mode with GPT Partition																			
High Performance Fan x6																			
Dual, Hot-Plug, Fully Redundant Power Supply (1+1), 1400W, Mixed Mode																			
Jumper Cord - C13/C14, 4M, 250V, 10A (US, EU, TW, APC countries except ANZ)																			
Riser Config 2, 2x8 FH Slots (Gen4), 4x8 FH Slots (Gen5), 2x16 LP Slots (Gen4)																			
Motherboard supports ONLY CPUs below 250W (cannot upgrade to CPUs 250W and above), MLK																			
Broadcom 57414 Dual Port 10/25GbE SFP28, OCP NIC 3.0																			
Broadcom 5720 Dual Port 1GbE LOM																			
Emulex LP635002 Dual Port FC32 Fibre Channel HBA, PCIe Full Height																			
No Cables Required, No GPU Blanks																			
No DPUs Cable Required, No DPU																			
PowerEdge 2U LCD Bezel																			
BOSS Blank																			
SFP+ SR Optic, 10GbE, for all SFP+ ports except high temp validation warning cards																			
No Operating System																			
No Media Required																			
iDRAC9, Enterprise 16G																			
OpenManage Enterprise Advanced																			
Dell Connectivity Client - Enabled																			
Dell Secure Onboarding Client Disabled																			
No Quick Sync																			
iDRAC Legacy Password																			
iDRAC Group Manager, Enabled																			
ReadyRails Sliding Rails With Cable Management Arm																			
No Systems Documentation, No OpenManage DVD Kit																			

TT	Danh mục hàng hoá	Mô tả hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Bảo hành	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Bảo hành
A	B	C	D	E	F	1 (*)	2 (*)	3	4 (*)	5 (*)	6 (*)	7 (*)	8	9 (*)	10 (*)	11 (*)	12 (*)	13 (*)
		PowerEdge R760 Shipping, APCC		1														
		PowerEdge R760 Shipping Material		1														
		PE R760 No CCC and No CE Marking		1														
		Decline Selection		1														
		Basic Next Business Day 36Months-ACDTS, 36 Month(s)		1														
		ProSupport and Next Business Day Onsite Service-ACDTS, 36 Month(s)		1														
		No Field Deployment Customer Install Required		1														
		Partner Operations Support B2B		1														
TỔNG CỘNG THÀNH TIỀN (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí khác có liên quan)																		

- Hiệu lực của báo giá: *tối thiểu 06 tháng kể từ ngày 13/10/2025*

*** Ghi chú:**

- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày.
- Giá ở cột 11 là giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan (trừ mặt hàng máy lạnh: không bao gồm vật tư thi công và chi phí lắp đặt).
- Các cột có dấu (*) là các cột buộc phải có thông tin, để nghị công ty báo đầy đủ.
- Vì là hình thức đấu theo lô nên Công ty vui lòng báo giá những lô nào công ty có khả năng cung ứng hết toàn bộ danh mục hàng hóa lô đó.

Ngày tháng năm 2025
Đại diện Công ty
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)